UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3011

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

KHẢO SÁT CÁC PHƯƠNG TIỆN BIỂU THỊ TÌNH THÁI TRONG CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT

Trịnh Quỳnh Đông Nghi
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Tác giả liên hệ: Trịnh Quỳnh Đông Nghi - Email: tqdnghi@ued.udn.vn
Ngày nhận bài: 27-4-2025; ngày nhận bài sửa: 16-5-2025; ngày duyệt đăng: 20-6-2025

Tóm tắt: Câu đặc biệt là loại câu có sự bất thường về cấu trúc. Cho nên, mặc dù được đề cập trong các công trình về ngữ pháp tiếng Việt từ rất sớm nhưng vẫn chưa được phân tích, lí giải một cách thuyết phục.

Vì vậy, chúng tôi mong muốn nghiên cứu câu đặc biệt từ góc độ lí thuyết tình thái, vận dụng các kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học hiện đại để làm sáng tỏ những vấn đề mà những công trình đi trước còn bỏ ngỏ. Bài viết đi từ việc xác lập các yếu tố biểu thị tình thái trong câu đặc biệt tiếng Việt làm cơ sở bước đầu lí giải nghĩa tình thái của loại câu nói trên. Kết quả nghiên cứu của bài báo sẽ đưa ra một cái nhìn xác đáng về các phương tiện biểu thị tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt từ đó mở ra hướng nghiên cứu ứng dụng của loại câu này.

Từ khóa: phương tiện biểu thị tình thái; tình thái; nghĩa tình thái; câu đặc biệt.

1. Đặt vấn đề

Từ lâu, khi nghiên cứu câu, nhà ngôn ngữ học Charles Bally (1865 - 1947) phân biệt trong câu gồm một phần là *ngôn liệu (lexis hay dictum)* và một phần là *tình thái (modality)* biểu hiện thái độ của người nói. Ông khẳng định tình thái là linh hồn của câu, của văn bản và của cả hoạt động giao tiếp. (Nguyễn Văn Hiệp, 2008, 86)

Những năm gần đây, các kết quả nghiên cứu về tình thái ngày càng được chú ý bởi đã mở rộng khái niệm ngữ nghĩa của câu, lí giải cơ chế nảy sinh hàm ý, chạm đến những năng lực giải thích mà ngôn ngữ học cấu trúc còn bỏ sót. Trong đó phải kể đến khả năng lí giải giá trị tồn tại và tầm tác động đến hoạt động giao tiếp của những loại câu có sự bất thường về cấu trúc như câu đặc biệt trong tiếng Việt.

Ở bài viết này, chúng tôi mong muốn đưa ra một hướng lí giải về câu đặc biệt từ góc độ lí thuyết tình thái, vận dụng các kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học hiện đại để làm sáng tỏ những vấn đề cú pháp mà khuynh hướng cấu trúc luận còn bỏ sót ở loại câu này.

Cite this article as: Trinh, Q. Đ. N (2025). Signs of modalities affection in Vietnamese fragment. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *15(02)*, 48-59.
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3011

2. Phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận

Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học như thống kê, phân tích, miêu tả, quy nạp… Từ những cơ sở lí luận kết hợp với nguồn tư liệu đã khảo sát, chúng tôi rút ra những luận giải về vấn đề nghiên cứu. Chúng tôi cũng đồng thời vận dụng những thủ pháp của ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp chức năng như cải biến cú pháp, thay thế, bổ sung, chêm xen... để phát hiện và làm rõ bản chất của đối tượng.

Mục đích của nghiên cứu này là chỉ ra các phương tiện biểu thị tình thái xuất hiện trong câu đặc biệt, vì thế chúng tôi lựa chọn 11 tập ngữ liệu tiếng Việt từ các nguồn khác nhau để phân tách, thống kê câu đặc biệt, từ đó tiếp tục khảo sát chỉ ra các phương tiện biểu thị tình thái có xuất hiện trong câu đặc biệt.

3. Khái quát về câu đặc biệt, về tình thái và các phương tiện tình thái trong tiếng Việt

Để làm cơ sở cho việc phân tích các phương tiện biểu thị tình thái trong tiếng Việt, bài báo nêu ra các khái niệm có liên quan như câu đặc biệt, cách hiểu về tình thái cũng

như cách xác lập các phương tiện biểu thị tình thái trong tiếng Việt.

3.1. Khái quát về câu đặc biệt tiếng Việt

3.1.1. Khái niệm câu đặc biệt

Câu đơn đặc biệt là đối tượng được nhiều giáo trình ngữ pháp tiếng Việt đề cập đến ngay từ rất sớm. Có thể thấy rằng, bản thân tên loại đã nêu lên đặc trưng đặc biệt, khác thường của kiểu câu này so với câu đơn thông thường, chính vì thế kéo theo những quan niệm khác nhau về câu đặc biệt như sau:

Ngữ pháp truyền thống nhìn nhận câu đặc biệt từ góc độ cấu trúc câu. Diệp Quang Ban trong *Ngữ pháp tiếng Việt* (1998) định nghĩa: "*Câu đơn đặc biệt là kiến trúc có một trung tâm cú pháp chính (có thể có thêm trung tâm cú pháp phụ), không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ với vị ngữ*" (Diệp Quang Ban, 2008, 153) Ngắn gọn và cụ thể hơn, tác giả Đỗ Thị Kim Liên đưa ra khái niệm câu đặc biệt "*là câu được làm thành từ một từ hoặc một cụm từ*" (Đỗ Thị Kim Liên, 2002, 119)

Từ góc độ ngữ pháp chức năng, Cao Xuân Hạo quan niệm: "*Câu đặc biệt là câu không có cấu trúc Đề - Thuyết*" (Cao Xuân Hạo, 2003, 83). Như vậy, câu đặc biệt không phải là câu một phần, phần hiển thị trên văn bản không phải là phần Đề hoặc Thuyết vì nó không biểu thị một sở thuyết hay sở đề của mệnh đề nào. Chính tác giả Diệp Quang Ban khi nhìn nhận câu đặc biệt từ lí thuyết ngữ pháp chức năng thì cho rằng: "*Ngữ pháp học hiện đại thừa nhận rằng yếu tố trung tâm (hạt nhân) của câu là vị tố, vị tố có thể là danh từ, động từ hay tính từ. Cho nên câu đơn đặc biệt trước đây, thực chất là câu không có chủ ngữ, trong đó vẫn có từ làm vị tố*" (Diệp Quang Ban, 2003, 71)

Từ các quan điểm nói trên, chúng tôi thống nhất rằng câu đặc biệt là câu chỉ có một nòng cốt câu hay còn gọi là trung tâm cú pháp, không phân biệt chủ ngữ, vị ngữ hoặc đề thuyết. Đồng thời, cũng cần nói rõ thêm rằng câu đặc biệt là câu không thể phân tích theo cấu trúc cú pháp cơ bản như những câu bình thường khác. Đây là cơ sở để chúng tôi khảo sát và phân lập câu đặc biệt với các loại câu khác tương tự như nó trong văn bản.

3.1.2. Phân loại câu đặc biệt

Câu đặc biệt có thể được xác định dựa trên những tiêu chí khác nhau.

Nhiều nhà ngữ pháp học như Diệp Quang Ban, Đỗ Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Thìn… phân loại và gọi tên tiểu loại câu đặc biệt dựa trên từ loại của thành tố chính (sẽ nêu cụ thể hơn ở dưới).

Tác giả Nguyễn Văn Hiệp trong *Cú pháp tiếng Việt* giới thiệu hai cách phân loại như sau:

- Phân loại theo ngữ nghĩa: (*1) Câu bộc lộ tình trạng tâm sinh lí một cách trực tiếp; (2) Câu tượng thanh; (3) Câu giới thiệu cảnh huống; (4) Câu hô gọi; (5) Câu bộc lộ cảm xúc - đánh giá.*

- Phân loại theo mức độ điển hình của câu đặc biệt: *(1) Câu tượng thanh và cảm thán; (2) Câu ta thán về tên gọi; (3) Câu hô gọi và giới thiệu cảnh huống; (4) Câu cảm xúc - đánh giá; (5) Câu đánh giá sự kiện.* (Nguyễn Văn Hiệp, 2002, 376). Ở đây, chúng tôi lựa chọn hướng thứ nhất là phân loại và gọi tên câu đặc biệt theo bản tính từ loại của thành tố chính trong câu. Theo đó, chúng tôi xác lập 3 nhóm câu đặc biệt là CĐB danh từ, CĐB vị từ, CĐB thán từ.

3.1.2.1. Câu đặc biệt danh từ

Nòng cốt câu do danh từ, ngữ danh từ hoặc đại từ đảm nhiệm.

(1) Trộm!

(2) Bom!

Những câu trên thông báo sự xuất hiện của sự vật, hiện tượng ngay tại thời điểm nói và trong phạm vi không gian mà người nói quan sát được (không gian hiện hữu). Kèm theo sự thông báo là sự biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, bất ngờ hoặc vui mừng, sợ hãi… của người nói.

(3) Đà Nẵng, ngày 29/3/2013.

3.1.2.2. Câu đặc biệt vị từ

Nòng cốt câu do động từ, tính từ, ngữ động từ, ngữ tính từ đảm nhận.

(4) Lạnh quá!

(5) Chán quá chừng!

Những câu trên có trung tâm cú pháp là ngữ tính từ vừa thông báo trạng thái vừa thực hiện hành vi cảm than: than vãn, kêu ca.

(6) Cháy hết rồi!

(7) Hết giờ thăm nuôi!

Những câu này có cấu tạo là ngữ động từ, thông báo về sự xuất hiện, tiêu biến của sự vật tại thời điểm nói, trong không gian hiện hữu.

(8) Nhơ nháp, hôi hám, ngứa ngáy, bứt rứt, bực mình. Chửi tục, cạu nhạu, thở dài. (Nam Cao, 2011)

Hai câu trên có nòng cốt câu là một liên hợp đẳng lập gồm một chuỗi vị từ miêu tả trạng thái sinh lí, tâm lí của con người trong phạm vi không gian xác định, tại thời điểm miêu tả.

3.1.2.3. Câu đặc biệt thán từ

Câu đặc biệt thán từ hay còn gọi là câu đặc biệt tình thái từ là loại câu có số lượng và tần số xuất hiện lớn nhất trong các loại câu đặc biệt.

(9) Ái chà!

(10) Ối!

Khác với câu đặc biệt danh từ, vị từ, câu đặc biệt thán từ thường bộc lộ nội dung tình thái, dụng học: biểu lộ thái độ, cảm xúc, sự đánh giá chủ quan của người nói hoặc thực hiện hành vi ngôn ngữ.

3.2. Nghĩa tình thái và các phương tiện biểu thị nghĩa tình thái

3.2.1. Nghĩa tình thái

Nghĩa tình thái là một bộ phận quan trọng của phát ngôn. Nghĩa tình thái phức tạp, tinh tế, trừu tượng, khó nắm bắt hơn nhiều so với nghĩa miêu tả.

Để xác lập quan niệm về nghĩa tình thái, cần đặt nó trong cấu trúc nghĩa của phát ngôn. Nghĩa tình thái tham gia vào quá trình thực tại hóa, biến nội dung sự tình còn ở dạng tiềm năng thành phát ngôn hiện thực. Nghĩa tình thái cho biết, chẳng hạn, sự tình nêu ra trong phát ngôn là hiện thực hay khả năng, mức độ cam kết của người nói với độ tin cậy của thông tin, đánh giá thái độ, tình cảm của người nói khi phát ngôn như thế nào. Ví dụ với sự tình "nó đến", người ta có thể biểu thị những nội dung tình thái khác nhau:

(a) Nó đến.

(b) Gì thì gì nó cũng đến.

(c) Có lẽ nó đến.

(d) Nó đến chăng?

(e) Nó đến thật.

Trong hàng loạt các phát ngôn kể trên, thông tin mô tả dạng tiềm năng hoàn toàn trùng khớp, nhưng bộ phận nghĩa tình thái đã giúp người nghe xác định đúng nội dung người nói muốn truyền đạt.

Một cách khái quát có thể hiểu nghĩa tình thái là thành phần nghĩa của câu biểu thị thái độ, ý định, mục đích hay quan hệ giữa người nói với người nghe, giữa người nói với sự tình được phản ánh trong câu, giữa nội dung được phản ánh trong câu với hiện thực khách quan.

3.2.2. Các phương tiện biểu thị nghĩa tình thái trong câu

Chúng tôi cũng thấy rằng mỗi ngôn ngữ có các phương tiện điển hình và rất đa dạng để biểu đạt tình thái. Nhiều tác giả đã tập hợp và phân loại các phương tiện biểu đạt tình thái ngôn ngữ và đặc biệt trong tiếng mẹ đẻ của mình. Trong đó, ngoài yếu tố ngữ âm, các nghiên cứu về tình thái thường nhắc đến các phương tiện biểu thị tình thái như: các vị từ tình thái (modal verb), các vị từ tình thái tính (modality verb), thức (mood), phụ tố tình thái (modal affixex), trạng từ và tính từ tình thái (adjectves and modal adverbs), kết cấu với động từ thái độ mệnh đề, tiểu từ tình thái…

Từ những quan điểm được các nhà ngôn ngữ học đi trước nêu ra về các phương tiện biểu thị tình thái trong tiếng Việt như Hoàng Trọng Phiến, Bùi Trọng Ngoãn, Nguyễn Văn Hiệp… chúng tôi nhận thấy có độ chênh nhất định trong việc liệt kê các phương tiện biểu thị tình thái trong tiếng Việt. Chúng tôi tiếp thu những quan điểm trên để hệ thống hóa các phương tiện biểu đạt tình thái trong câu đặc biệt tiếng Việt theo ba phương diện ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp như sau:

3.2.2.1. Các phương tiện ngữ âm

Các phương tiện ngữ âm dùng để biểu thị tình thái trong câu nói thực chất là các hiện tượng ngôn điệu mà người nói chủ tâm dùng trong câu như ngữ điệu, trọng âm, thanh điệu nhằm thể hiện thái độ, tình cảm, đánh giá...

Ngoài việc là một phương tiện phân loại lời nói, ngữ điệu còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc biểu hiện tất cả những sắc thái cảm xúc đa dạng của lời nói. Tính chủ quan, lập trường của người nói được bộc lộ khá rõ ràng và logic thông qua ngữ điệu.

Phát ngôn *"Giỏi nhỉ!"* với từ *"giỏi"* được phát âm nhấn mạnh và kéo dài hơn từ còn lại giúp người nói biểu đạt ý nghĩa hoàn toàn ngược lại nội hàm từ vựng là "*không giỏi"* đồng thời kèm theo thái độ mỉa mai.

Các phương tiện ngữ âm (ngữ điệu, trọng âm, thanh điệu) biểu thị tình thái thường dễ nhận diện trong giao tiếp. Trong văn bản viết mà chúng tôi khảo sát, việc thống kê phân loại dễ thiên về hướng chủ quan nên chúng tôi không chỉ ra nhóm phương tiện này ở phần tiếp theo của bài viết.

3.2.2.2. Các phương tiện từ vựng

Các phương tiện từ vựng được sử dụng phổ biến và đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc biểu thị tình thái trong ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt. Chúng tôi đồng nhất với quan điểm của Nguyễn Văn Hiệp về hệ thống các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái, bao gồm:

Nhóm 1. Các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ: đã, sẽ, đang, từng, vừa, mới...

Nhóm 2. Các vị từ tình thái làm chính tố trong ngữ động từ: toan, định, cố, muốn, đành, được, bị, bỏ, hãy, đừng, chớ...

Nhóm 3. Các vị từ chỉ thái độ mệnh đề trong cấu trúc chỉ thái độ mệnh đề: tôi e rằng, tôi sợ rằng, tôi hy vọng rằng, tôi nghĩ rằng, tôi thấy rằng,...

Nhóm 4. Các quán ngữ tình thái: ai bảo, nói gì thì nói, ngó bộ, thảo nào, tội gì, đằng thằng ra, kể ra, làm như thể,…

Nhóm 5. Các vị từ ngôn hành trong kiểu câu ngôn hành (với những điều kiện về ngôi, về chỉ tố thời,…) như: ra lệnh, van, xin, đề nghị, yêu cầu,…

Nhóm 6. Các thán từ: ôi, eo ôi, chao ôi, ồ,...

Nhóm 7. Các tiểu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ (idiom) tương đương: à, ư, nhỉ, nhé, thôi, chứ, đi, mất, thật, cũng nên, lại còn, thì chết,…

Nhóm 8. Các vị từ đánh giá và tổ hợp có tính đánh giá: may (là), may một cái (là), đáng buồn (là), đáng mừng (là), đáng tiếc (là),…

Nhóm 9. Các trợ từ: đến, những, mỗi, nào, ngay, cả, chính…

Nhóm 10. Những đại từ nghi vấn được dùng trong những câu phủ định - bác bỏ (P làm gì?, P thế nào được?), các liên từ dùng trong các câu hỏi (Hay P?, Hay là P?).

Nhóm 11. Các từ ngữ chêm xen biểu thị tình thái: nó biết cóc gì, mua cha nó cho rồi, hỏi cái đếch gì, biết khỉ gì mà hỏi,…

Nhóm 12. Kiểu câu điều kiện, giả định: nếu…thì…, giá…thì…

Dĩ nhiên hệ thống được tác giả Nguyễn Văn Hiệp liệt kê như trên mang tính phổ quát, không phải lúc nào các phương tiện trên cũng xuất hiện đầy đủ trong các câu đặc biệt.

3.2.2.3. Các phương tiện ngữ pháp

Trong các ngôn ngữ biến hình, thì (tense) và thức (mood) của động từ có vai trò tích cực trong việc biểu đạt các ý nghĩa tình thái. Đối với các ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt, các phương tiện ngữ pháp thường được kể đến là đảo trật tự từ, thay đổi cấu trúc của câu để thực hiện ý đồ của người nói khi muốn nhấn mạnh vào điểm nào đó trong phát ngôn.

Đề cập đến các phương tiện biểu thị tình thái trong tiếng Việt, tác giả Bùi Trọng Ngoãn đã nêu rõ phương tiện ngữ pháp chính là cấu trúc câu, và nếu có sự phân biệt phương tiện từ vựng và phương tiện ngữ pháp thì động từ tình thái được tác giả xếp vào phương tiện từ vựng. Vậy nên trong mục này, chúng tôi chỉ đề cập đến cấu trúc câu.

Các câu sau có cùng nội dung sự tình nhưng khác nhau về cấu trúc thức nên dẫn đến nghĩa biểu đạt khác nhau:

(f) Em mệt.

(g) Em mệt à?

(h) Em không mệt!

(i) Em mệt quá!

Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói như trần thuật, nghi vấn, cảm thán, cầu khiến đều có các dấu hiệu hình thức riêng. Dựa vào các dấu hiệu đặc thù ấy, người nghe có thể nhận biết được kiểu cấu trúc câu tương ứng:

- Câu nghi vấn thường được nhận diện bởi:

+ Các đại từ nghi vấn: ai, gì, nào, bao giờ, đâu, ra sao… hoặc cặp phụ từ nghi vấn: đã… chưa, có… không,…

+ Quan hệ từ lựa chọn: hay

+ Các tiểu từ tình thái dùng để hỏi: à, ư, nhỉ, nhé, chắc, hử…

+ Ngữ điệu: lên giọng khi nói và đánh dấu hỏi khi viết

- Câu cầu khiến thường có các dấu hiệu nhận diện cấu trúc:

+ Các phụ từ mệnh lệnh đứng trước vị từ: hãy, đừng, chớ…

+ Các tiểu từ đứng sau vị từ: đi, thôi, nào, chứ, với…

+ Ngữ điệu cầu khiến: tăng cường độ khi nói và đánh dấu chấm than (!) khi viết.

- Câu cảm thán được đánh dấu bằng:

+ Các thán từ đứng đầu câu hoặc cuối câu: a, ối, ái, ôi…,

+ Các tiểu từ: thay, nhỉ

+ Các phó từ: quá, ghê, thế, thật…

+ Ngữ điệu cảm thán: tăng trường độ giọng nói hoặc đánh dấu chấm than (!) khi viết.

- Câu phủ định dùng một trong các từ: không, chưa, chẳng, đâu có, chả, gì, bao giờ, làm gì có…

- Câu khẳng định: hẳn, chính, đích thị, chắc…

Các dấu hiệu nhận diện kiểu cấu trúc nêu trên giúp nhận diện hành động ngôn ngữ trực tiếp. Trong sử dụng ngôn ngữ, người nói có thể dùng hình thức của câu này nhưng lại nhằm mục đích của một kiểu câu khác. Các trường hợp đó thì nghĩa tình thái được biểu thị thông qua các phương tiện khác.

Để phục vụ cho việc khảo sát các phương tiện biểu thị tình thái xuất hiện trong câu đặc biệt, chúng tôi đã tiến hành thu thập ngữ liệu bằng việc khảo sát và phân loại câu đặc biệt từ các văn bản khác nhau. Từ ngữ liệu có được, chúng tôi nhận thấy trong câu đặc biệt thì các phương tiện từ vựng có vai trò chính, phương tiện ngữ pháp có tính chất bổ trợ, mặt ngữ âm rất mờ nhạt. Chính vì thế, ở bài viết này chúng tôi chỉ nêu và phân tích những dấu hiệu biểu thị tình thái rõ ràng, có cơ sở khoa học.

4. Các phương tiện biểu thị tình thái trong câu đặc biệt tiếng Việt

4.1. Các phương tiện biểu thị tình thái trong câu đặc biệt danh từ

Danh từ là những từ mang ý nghĩa chỉ thực thể. Các câu đặc biệt danh từ thường có cấu tạo là danh từ đơn thuần, ít hoặc không hàm chứa các yếu tố đi kèm bổ sung nghĩa tình thái.

Thêm vào đó, khi áp dụng các phương tiện biểu thị tình thái vào khảo sát câu đặc biệt danh từ, chúng tôi nhận thấy hai nhóm phương tiện từ vựng và ngữ pháp.

4.1.1. Các phương tiện từ vựng

Xét 12 nhóm phương tiện từ vựng do tác giả Nguyễn Văn Hiệp chỉ ra, chúng tôi có nhận thấy chỉ có nhóm 6 (các thán từ), nhóm 7 (các tiểu từ tình thái cuối câu) và nhóm 9 (các trợ từ) là xuất hiện trong câu đặc biệt danh từ. Trong phạm vi ngữ liệu chúng tôi có được thì không thu thập được các nhóm khác. Có thể chỉ ra như sau:

- Các thán từ:

(11) ***Ờ, hoa tay!***

(Nguyễn Nhật Ánh, *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*)

(12) ***Ôi, quế!*** *Ở đâu Thiều có vậy?*

(Nguyễn Nhật Ánh, *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*)

(13) ***- Này, Duy***. *Thằng Kim Phú nó bảo chú mày vừa bị bắt.* (Ma Văn Kháng, *Côi cút giữa cảnh đời*)

Thán từ kết hợp với danh từ thể hiện sự ngạc nhiên, bất ngờ hoặc vui mừng, phấn khởi của người nói.

- Các tiểu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ tương đương:

(14) ***Tù mà.*** (Võ Thị Xuân Hà, *Năm hai ngàn lẻ x*)

(15) ***Một tí thôi.*** (Nguyễn Thị Cẩm, *Xã nói*)

(16) ***Cụ Thám cũng vậy.*** (Hồ Phương, *Cha và con*)

Một câu nói có tiểu từ tình thái cuối câu sẽ biểu thị được mức độ đánh giá, nhận xét, cam kết,… hoặc có thể là một sự miễn cưỡng chấp nhận, một lời ta thán,… Chẳng hạn, ở ví dụ (14), "*Tù mà*.", trong đó *mà* là tiểu từ tình thái cuối câu biểu thị thái độ miễn cưỡng chấp nhận sự tình đang diễn ra hoặc đã diễn ra trước đó của người nói, *mà* nó còn có ý nghĩa khuyên người nghe chấp nhận sự tình đó. Có thể khúc giải như sau:

(14') Thôi kệ, ráng chịu đi, mình đang thân phận tù đày thì phải chịu vậy thôi.

Tương tự, các tiểu từ *thôi*, *nhá*, *vậy* biểu thị các mức độ cam kết, đánh giá khác nhau. Nếu *thôi* ở biểu thị sự nhận xét sự tình ở mức độ "ít" thì *cũng vậy* là một lời khẳng định, một lời cam kết có tính chắc chắn của người nói đối với người nghe.

- Các trợ từ: đã, chỉ, những, mỗi, nào, ngay, cả, chính, đích thị…

Các trợ từ trong câu đặc biệt danh từ là công cụ quan trọng để thể hiện sự đánh giá, quan điểm của người nói về nội dung mệnh đề được đề cập trong phát ngôn.

(17) ***Đã ba năm***. (Thụy Anh, *Cái bóng*)

(18) ***Toàn dân Bắc***. (Bùi Ngọc Tấn, *Biển và chim bói cá*)

Nếu như trong câu bình thường, trợ từ có vai trò cùng với các phương tiện biểu thị tình thái khác nhằm biểu lộ sắc thái ý nghĩa của người nói đối với phát ngôn đó thì ở trong câu đặc biệt, khi các phương tiện biểu thị tình thái khác vắng mặt, trợ từ đóng vai trò quyết định ý nghĩa tình thái trong câu. Xét ví dụ (15) ta thấy rằng, "*đã*" quyết định toàn bộ ý nghĩa nội dung của câu nói. "*Đã ba năm*", thái độ, cảm xúc của người nói được đặt hoàn toàn vào trợ từ "*đã*" mà ở đó, "*ba năm*" chỉ là một mốc thời gian trung tính được nêu ra và trợ từ "*đã*" làm nên nội dung của câu nói, đó là thể hiện thái độ "*sự chờ đợi rất lâu*" của người phát ngôn.

4.1.2. Các phương tiện ngữ pháp

Danh từ và cụm danh từ vốn dĩ có chức năng định danh. Tuy nhiên quá trình ngữ pháp hóa khiến danh từ mang tư cách câu trong những hoàn cảnh sử dụng nhất định. Quá trình ngữ pháp hóa ngôn liệu được hoàn thiện bằng việc thiết lập cấu trúc thức cho câu. Câu đặc biệt danh từ thường được nhận diện ở các cấu trúc thức sau:

- Câu đặc biệt danh từ sử dụng cấu trúc thức cảm thán.

Cấu trúc thức cảm thán có chức năng diễn đạt một mức độ nhất định của cảm xúc, tâm trạng khác thường, thái độ, cách đánh giá của người nói đối với vật, việc, hiện tượng được nêu ra trong câu. Kết quả khảo sát cho thấy, câu đặc biệt phần lớn được sử dụng kết hợp với cấu trúc thức cảm thán. Kiểu câu đặc biệt kết hợp với cấu trúc thức cảm thán có thể đẩy cao khả năng biểu thị tình thái và tầm tác động của câu đặc biệt danh từ đến đối tượng tiếp nhận.

(19) ***Tài hoa và bẩn thỉu, ô hô hô!***

(Trần Thị Ngọc Lan, *Mẹ trần gian*)

(20) ***Diệu kế! Diệu kế!*** *Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lội có hàng dưới sông mình nè! Một đời người mới có một lần.*

(Sơn Nam, *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*)

Khác với câu đặc biệt thán từ, câu đặc biệt danh từ không chỉ biểu thị trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của người phát ngôn thông qua từ cảm thán mà còn đi kèm với danh từ hoặc cụm danh từ giải thích lí do của sự cảm thán.

(21) ***Đời! Ôi chao đời!*** (Nam Cao)

(22) Vũ Như Tô (nhìn ra, rú lên) - ***Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đẳng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi!*** *Phú cho ta cái tài làm gì?* ***Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!*** (Nguyễn Huy Tưởng, *Vũ Như Tô*)

- Câu đặc biệt danh từ sử dụng thức cầu khiến.

Khác với nhiều ngôn ngữ châu Âu, trong tiếng Việt, dấu hiệu hình thức của câu cầu khiến không được thể hiện rõ. Trong nhiều trường hợp, kiểu câu này dễ lẫn với kiểu câu trần thuật. Tuy nhiên khảo sát câu đặc biệt danh từ, chúng tôi nhận thấy rằng, trong nhiều trường hợp, câu đặc biệt danh từ tồn tại ở cấu trúc thức cầu khiến có giá trị biểu đạt tình thái hoàn toàn khác biệt với việc sử dụng danh từ với mục đích hô gọi. Xét các ví dụ sau:

(23) ***Máu! Trời ơi máu!*** *Máu ở đâu mà nhiều thế này.*

(Trần Thị Diệp, *Đêm có mưa*)

Ở ví dụ (23), chỉ riêng việc sử dụng từ "*Máu"* cộng với cấu trúc thức cầu khiến hoàn thiện tư cách ngữ pháp cho câu đặc biệt danh từ đã giúp tác giả diễn đạt được trọn vẹn nội dung ngữ nghĩa thảng thốt, bàng hoàng và sự ùa về đầy ám ảnh của những kí ức đau thương. Tình thái càng được bộc lộ rõ hơn khi đặt vào ngữ cảnh người phụ nữ và những bí mật đau thương, tội lỗi đang dày vò cô giữa đường đêm vắng, sau cú ngã giữa vũng lầy tối tăm.

- Câu đặc biệt danh từ sử dụng cấu trúc thức khẳng định.

Cấu trúc thức khẳng định ở câu đặc biệt danh từ được xuất hiện với tần số khá lớn. Dấu hiệu nhận biết cấu trúc thức khẳng định chính là dấu chấm (.) cuối câu.

(24) *Chúng mổ nhau, kêu chiêm chiếp, oang oác, rộn rã, điên cuồng.* ***Con mái con trống gà mẹ gà con con đen con đỏ con nhỏ con to****. Chúng làm thành một vũ hội kì quặc trước mắt bà.* (Trần Thị Ngọc Lan, *Mẹ trần gian*)

(25) *Tiếng nấc bỗng ồ ồ dồn đuổi nhau qua cửa sổ.* ***Bà nội****. Bà nội khóc. Bà nội khóc kìa, ba ơi! Ba, bà nội khóc.* (Nguyễn Ngọc Tư, *Vết chim trời*)

Sự tình được đề cập đến trong các ví dụ (24) và (25) là khác nhau tuy nhiên cấu trúc thức khẳng định khiến hai ví dụ biểu thị nội dung tình thái xác thực sự tồn tại của đối tượng một cách tin cậy, chắc chắn.

- Câu đặc biệt danh từ sử dụng cấu trúc thức nghi vấn.

Cấu trúc thức nghi vấn sử dụng ở câu đặc biệt danh từ là nghi vấn chính danh. Câu nghi vấn chính danh khi được dùng đúng nghĩa, đúng mục đích là để tìm kiếm thông tin và cần trả lời thông tin đó. Sở dĩ ở đây chúng tôi dùng khái niệm chính danh để phân biệt với các phát ngôn có hình thức câu nghi vấn nhưng lại không nhằm mục đích tương ứng.

Cấu trúc thức nghi vấn được nhận diện thông qua dấu hỏi chấm cuối câu (?) thường biểu thị tình thái chủ quan giữa chủ thể phát ngôn với người cùng giao tiếp hoặc đối tượng được đề cập đến trong câu. Chẳng hạn:

(26) *Cho là thế đi. Con với anh ta là thế nào?*

*- **Bạn.***

- Bạn?

(Nguyễn Thị Cầm, *Xã nói*)

(27) *Mày nói ai là phạm? - Tôi vặn.*

*- **Mày?***

- Mày nói láo! Tôi quát.

(Ma Văn Kháng, *Côi cút giữa cảnh đời*)

Việc lặp lại danh từ "bạn" của người cha thể hiện thái độ hoài nghi, không tin cậy vào câu trả lời của cô con gái sau khi tận mắt chứng kiến cảnh hư hỏng của chính cô và người con trai trong căn nhà mình.

Cấu trúc thức nghi vấn ở câu đặc biệt danh từ thường dùng với mục đích tìm câu trả lời cho một nghi vấn cụ thể và thể hiện thái độ hoài nghi, chưa chắc chắn về thông tin được cung cấp trước đó.

Khả năng biểu thị tình thái trong câu đặc biệt danh từ của cấu trúc thức nghi vấn là khá rõ ràng. Câu đặc biệt danh từ - nghi vấn cũng xuất hiện nhiều trong ngôn ngữ sinh hoạt đời thường:

(28) *Anh đi lau nhà và rửa bát đi!*

- Anh???

Các loại phương tiện nhận diện nghĩa tình thái tuy không xuất hiện hàng loạt trong trong câu đặc biệt danh từ nhưng các dấu hiệu nhận diện lại rất rõ ràng và có giá trị biểu đạt cao.

4.2. Các dấu hiệu biểu thị tình thái trong câu đặc biệt vị từ

Ý nghĩa khái quát nhất của vị từ là chỉ sự tồn tại, sự xuất hiện và tiêu biến của việc, hiện tượng. Vì lí do đó cho nên dấu hiệu biểu thị tình thái chủ yếu của câu đặc biệt vị từ là các phương tiện từ vựng và cấu trúc thức, dấu hiệu ngữ âm không thể hiện rõ hoặc không tác động lớn đến việc phân biệt nghĩa tình thái nên chúng tôi không đề cập.

4.2.1. Các phương tiện từ vựng

Áp dụng hệ thống phương tiện từ vựng biểu thị tình thái trong tiếng Việt theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Hiệp vào ngữ liệu câu đặc biệt vị từ, chúng tôi nhận thấy các nhóm dấu hiệu tình thái như sau:

- Các tiểu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ tương đương.

Câu đặc biệt vị từ là loại câu mà nội dung được diễn tả ngắn gọn đến mức cô đọng, tối giản, trong đó vị từ là trung tâm cú pháp biểu thị nghĩa sự tình. Trong các loại phương tiện biểu thị tình thái của câu đặc biệt vị từ, tiểu từ tình thái được sử dụng nhiều và phát huy hiệu quả cao nhất. Các tiểu từ tình thái xuất hiện với tần số cao là nhỉ, nhé, thật, quá, lắm, chứ…

(29) ***Tốt lắm rồi!*** (Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*)

(30) *Lão Nghĩa mà đáng thương hại à? **Điên!** Hắn điên thật rồi!*

Anh chàng hai mươi tuổi cũng vỡ nhẽ:

- Điên thật!

... Cậu Năm gật gù nói:

- Điên thật rồi!

(Lỗ Tấn, *Thuốc*)

(31) *Tôi dắt trâu đi cày ở Hóc Kè con Siêng tới nằm bên bờ ruộng. Chưa hồi mô tôi thấy nó tự đi săn cheo, săn chồn hay gà rừng, gà nước. Ba nói chó hay không bắt thú nhỏ. **Đúng thiệt!***

(Nguyễn Minh Sơn, *Lãnh địa mèo rừng*)

Các tiểu từ tình thái cuối câu đi kèm với vị từ biểu thị sự đánh giá, thừa nhận hoặc khẳng định, đồng tình… của người nói đối với sự tình được nói đến trong câu. Ở ví dụ (30), thông qua tiểu từ tình thái cuối câu thật, người nói đã biểu thị thái độ thừa nhận đối với sự tình được người đối thoại nhắc đến trong phát ngôn trước đó.

- Các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ.

Phó từ là những từ biểu thị ý nghĩa về quan hệ giữa quá trình và đặc trưng với thực tại, biểu thị ý nghĩa về cách thức nhận thức và phản ánh các quá trình, đặc trưng trong hiện thực. Chẳng hạn:

(32) ***Đã bảo mà!*** (Nam Cao, *Chí Phèo*)

Phó từ *đã* trong câu (32) biểu thị một sự tình xảy ra trước thời điểm tác giả nói, sự tình xảy ra ở mốc thời gian trong quá khứ. Ở trường hợp này, đã bổ sung ý nghĩa cho động từ "bảo" đồng thời khẳng định sự tình ấy đã xảy ra trong quá khứ. Không chỉ vậy, phó từ *đã* còn hàm chứa thái độ ngạo nghễ, trịch thượng của người nói về khả năng nhìn nhận sự việc trước khi nó xảy ra. Tương tự ở ví dụ sau:

(33) ***Sẽ quen. Phải rồi.*** *Mọi thói quen đều bắt đầu bằng vô thức. Vô thức tồn tại và thành thói quen…*

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Tân cảng*)

Như vậy, trong câu đặc biệt vị từ, phó từ không chỉ biểu thị ý nghĩa về thời điểm xảy ra sự tình mà còn hàm chứa thái độ, cách đánh giá hoặc dự đoán của người nói trước sự tình được đề cập đến trong câu. Nghĩa tình thái đó khiến cho những phụ từ như *đã*, *sẽ* trở nên phi thời gian. Ví dụ:

(34) *Tan trường hồi lâu mà không thấy nó về. Tao cứ đoán là mẹ mày đón. Nhưng lại nghĩ có đón thì cũng phải nói với bà một câu chứ.* ***Đã khổ chưa!*** (Hồ Thị Ngọc Hoài, *Nỗi riêng Thị Mầu*)

(35) ***Đã hiếm dịp cười****. Cười cho dãn xương cốt, cho đỡ nhức đầu.* (Bùi Ngọc Tấn, *Biển và chim bói cá*)

- Các thán từ: ôi, eo ôi, chao ôi, ồ…

Thán từ với đặc trưng là từ loại dùng để bộc lộ cảm xúc thể hiện vai trò quan trọng trong việc đi kèm với vị từ nhằm mục đích biểu thị tình thái. Câu đặc biệt vị từ chủ yếu bộc lộ nghĩa tình thái chủ quan.

(36) *Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở:*

- Hà, ngon! (Kim Lân, *Vợ nhặt*)

(37) ***Chao ôi là đau***. (Hồ Thị Ngọc Hoài, *Nỗi riêng Thị Mầu*)

(38) ***Ôi chao hay quá!*** (Hồ Phương, *Cha và con*)

Trong các ví dụ từ (32) đến (35) thán từ *đã* cộng hưởng với nghĩa sự tình của những vị từ cụ thể biểu thị nghĩa tình thái của câu đặc biệt một cách rõ nét. Đó là thái độ thỏa mãn, sung sướng trong ví dụ (34), hoặc than thở trong phát ngôn (35), ngạc nhiên, sửng sốt nhưng vui mừng trong ví dụ (36). Có thể thấy, tình thái chủ quan của người nói và mục đích cảm thán của hành động nói đã được bộc lộ rất rõ nét qua dấu hiệu là các thán từ.

4.2.2. Các phương tiện ngữ pháp

- Câu đặc biệt vị từ sử dụng cấu trúc thức cảm thán.

Câu đặc biệt vị từ ở cấu trúc thức cảm thán thường được cấu thành bởi tính từ nhằm mục đích bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp.

(39) ***May quá!*** *Tôi chẳng để lỡ một cơ hội tốt.* (Vũ Trọng Phụng, *Kỹ nghệ lấy Tây*)

(40) *Sáng hôm sau, nghe chị Chiến nói, chú Năm cứ ngồi y trên ván nhìn hai cháu thiệt lâu. Một lát, chú nói:*

- ***Khôn!*** *Việc nhà nó thu được gọn thì việc nước nó mở được rộng, gọn bề gia thế, đặng bề nước non…* (Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*)

(41) ***Bận quá!*** *Nhà nông chẳng khi nào hết việc.* (Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*)

Cấu trúc thức cảm thán kết hợp với tính từ, cụm tính từ giúp người nói bộc lộ tình thái chủ quan với nhiều trạng thái tâm lí, tình cảm khác nhau.

- Câu đặc biệt vị từ sử dụng cấu trúc thức cầu khiến.

Câu cầu khiến là loại câu trong đó người nói nêu lên mong muốn, đề nghị, mệnh lệnh... yêu cầu người nghe phải thực hiện. Tính từ và cụm tính từ trong câu đặc biệt vị từ có tính [- động] và [- chủ ý] cho nên câu đặc biệt - động từ đa phần được xác lập ở cấu trúc thức cầu khiến.

(42) *Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang:*

- ***Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên!*** *Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dụ, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông.* ***Đốt lửa lên!*** (Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*)

(43) *Quân sĩ -* ***Câm ngay đi!*** *Quân điên rồ, câm ngay đi không vả vỡ miệng bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư? Người ta oán mày hơn oán quỷ.* ***Câm ngay đi!***

Quân sĩ - ***Câm mồm!***

Vũ Như Tô - Ta có thù oán gì với các người?

Ngô Hạch - Dẫn nó ra pháp trường. Không để nó nói nhảm trước mặt chủ tướng mất thì giờ.

Quân sĩ - ***Ra pháp trường!***

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vũ Như Tô*)

Lược bỏ hầu hết các thành phần của câu, câu đặc biệt vị từ ở thức cầu khiến hầu như chỉ còn động từ kết

hợp với ngữ điệu mạnh hoặc dấu chấm than (!) cuối câu. Câu đặc biệt vị từ ở thức cầu khiến thường mang nghĩa tình thái của hành động nói (ra lệnh, hối thúc, yêu cầu…) kết hợp với thái độ nhấn mạnh tính cấp thiết của hành động được nhắc đến trong nội dung sự tình cũng như đề cao vai trò của chủ thể phát ngôn trong mối quan hệ liên cá nhân.

- Câu đặc biệt vị từ sử dụng cấu trúc thức nghi vấn.

Câu đặc biệt vị từ sử dụng cấu trúc thức nghi vấn thường thể hiện tâm trạng hoài nghi hoặc thái độ ngạc nhiên, bất ngờ đến mức không thể tin được của người phát ngôn với nội dung sự tình được đề cập trước đó trong hội thoại hoặc độc thoại nội tâm.

(44)… *Thợ xây Cửu Trùng Đài quá nửa theo về quân phản nghịch. Tình thế nguy ngập lắm rồi.[…]*

Vũ Như Tô - ***Vô lí.***

Bọn nội giám - ***Vô lí? Vô lí?*** *Để Cửu Trùng Đài làm gì? Vì đâu mà có quân phản nghịch? An Hòa Hầu đang cho tìm mấy lũ cung nữ để phanh thây làm trăm mảnh. Mày không biết tội hay sao?*

Vũ Như Tô - ***Vô lí.*** (Nguyễn Huy Tưởng, *Vũ Như Tô*)

(45) *Chị Mai, có một nguyên nhân khiến tôi muốn đi khỏi đây…*

Đi…??? *Là nguyên nhân gì vậy?* (Võ Thị Xuân Hà, *Năm hai ngàn lẻ x*)

- Câu đặc biệt vị từ sử dụng cấu trúc thức khẳng định.

Khác với câu đặc biệt danh từ, ý nghĩa khái quát nhất của câu đặc biệt vị từ là chỉ sự tồn tại, xuất hiện và sự tiêu biến của vật, việc, hiện tượng. Cũng vì lí do đó mà ý nghĩa tình thái càng được bộc lộ trực tiếp hơn:

(46) […] *Tứ xốc Quy lên tay. Lao qua trảng cát. Rồi thả cô xuống vạt hoa muống biển.* ***Xanh rì. Tím ngắt. Mướt mát làn da con gái.*** *Quy rướn mình siết chặt người yêu, lần đầu nếm trải nỗi đau hạnh phúc.*

(Phan Thị Thu Loan, *Nước mắt làng chài*)

(47) ***Hoang vắng. Tối tăm. Gỉ sét. Bụi bặm. Ẩm mốc.***

(Bùi Ngọc Tấn, *Biển và chim bói cá*)

(48) *Chết rồi.* ***Treo cổ.***

Tại sao?

…

Có thế mà cũng phải chết à?

Còn bà vợ?

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Thành phố không mùa đông*)

- Câu đặc biệt vị từ sử dụng cấu trúc thức phủ định, bác bỏ.

(49) *Anh em cười. Mây cười. Thủy thủ chỉ có cười.* ***Buồn*** *làm gì.* (Bùi Ngọc Tấn, *Biển và chim bói cá*)

(50) *Midori lắc đầu.* ***Không thích lắm.***

(Haruki Murakami, *Rừng Nauy*)

Tình thái của hành động nói được bộc lộ khá rõ thông qua hành động phủ định. Nội dung sự tình được đề cập đến trong các phát ngôn trước đó bị các từ hoặc tổ hợp mà làm gì, làm gì, chả, không… bác bỏ. Thái độ của người nói về hành động bác bỏ mang tính kiên quyết với độ xác tín cao.

4.3. Các phương tiện biểu thị tình thái trong câu đặc biệt thán từ

Thán từ là từ loại dùng để biểu hiện cảm xúc (ngạc nhiên, đau đớn, vui mừng, tức giận…) của người nói hoặc dùng làm lời gọi, đáp…

Thán từ có hai loại chính:

- Thán từ biểu hiện cảm xúc: ồ, ôi, chao ôi, ủa, chà, ơ hay, ô kìa, trời ơi, trời đất ơi, ái chà, eo ôi…

- Thán từ gọi đáp: a, hỡi, này, vâng, dạ, ừ…

Thán từ có thể dùng độc lập như một câu đơn đặc biệt, hoặc có thể được dùng kết hợp với các từ khác làm hô ngữ. Ở đây, chúng tôi xét đến trường hợp thán từ tự thân tạo thành một câu đặc biệt.

4.3.1. Các phương tiện ngữ âm

Thán từ tự thân cấu thành câu đặc biệt thán từ. Tuy nhiên các câu đáp với những từ như vâng, ừ, dạ,… hay các cảm thán với các từ trời ơi, ôi chao, ấy da… không phải "đáp thế nào cũng được". Cùng một hình thức từ vựng nhưng được phát ra với những liều lượng âm thanh khác nhau sẽ biểu đạt những nội dung ý nghĩa tình thái hoàn toàn khác nhau, thậm chí là trái ngược. Trên chữ viết, chúng chỉ có một cách nhưng trên lời nói thì có rất nhiều "cách nói" để thể hiện đích đến thực sự của nghĩa tình thái đó. Vậy nên, ngữ điệu chính là yếu tố quan trọng tạo nên sự khu biệt nghĩa tình thái.

Theo tác giả Đỗ Tiến Thắng (2009) thì ngữ điệu tiếng Việt trong các loại câu tối giản có thể khái quát thành 6 nét: ngắn, dài, cao, cực cao, thấp, đay. Đối chiếu

6 nét kể trên vào ngôn cảnh của câu đặc biệt thán từ, chúng tôi nhận thấy sự khác biệt về nghĩa tình thái.

Cùng một thán từ ôi chao khi đặt trong ngữ cảnh với các diễn tả ngữ điệu khác nhau:

(51) *Romeo - …**Ôi!** Đấy là người ta yêu!... Kìa, nàng tì má lên bàn tay! **Ôi!** Ước gì ta là chiếc bao tay, để được mơn trớn gò má ấy!*

*Juliet **- Ôi chao!***

(William Shakespeare, *Romeo and Juliet*)

(52) ***Ôi chao!** Giời đất này mà còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?* (Kim Lân, *Vợ nhặt*)

(53) ***Ôi chao!** Phong cảnh mới đẹp làm sao.*

Trong ba ngữ cảnh, cấu trúc thức cảm thán và phương tiện từ vựng (ôi chao) là trùng nhau hoàn toàn. Như vậy, nghĩa tình thái của hai phát ngôn trên chỉ có thể phân biệt thông qua ngữ điệu. Ở ngữ cảnh (51), phát ngôn "*Ôi chao!*" của Juliet được phát âm một cách tha thiết với trường độ dài hơn trường độ cố hữu thể hiện sự ngạc nhiên, xúc động khi được nghe những lời yêu thương từ Romeo. Ví dụ (52), tiếng thốt "*Ôi chao!*" của những người dân nghèo khi chứng kiến cảnh Tràng đưa Thị về giữa ngày đói tăm tối được phát âm ngắn, dứt khoát thể hiện sự tình đang diễn ra theo hướng đánh giá không hài lòng; đồng thời thể hiện sự hoài nghi của người nói đối với sự tình đó. Ở ngữ cảnh (53), "*Ôi chao !"* là tiếng thốt ra biểu lộ sự xúc động mạnh đến ngạc nhiên, sửng sốt của người trước một sự tình.

Tương tự, xét phát ngôn "*Trời ơi!"* trong các ngữ cảnh sau:

(54) ***Trời ơi!** Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao*! (Nam Cao, *Chí Phèo*)

(55) ***Trời ơi…** tôi đã làm gì thế này? Tôi đã hại anh!*

(Thụy Anh, *Cái bóng*)

(56) *Ngoài ba mươi tuổi… ai lại còn đi lấy chồng! Ai đời lại còn đi lấy chồng! **Ừ!** Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. **Trời ơi!** Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hỡi ông cha nhà bà! Bà gào lên như con mẹ dại.* (Nam Cao, *Chí Phèo*)

(57) *Nó nhạo thị. **Trời ơi!** Thị điên lên mất, trời ơi là trời!* (Nam Cao, *Chí Phèo*)

(58) ***Trời ơi! Cha mẹ ơi!** Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chắt ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói: "Người cộng sản không thèm kêu van…". Tnú không thèm, không thèm kêu van. **Nhưng trời ơi!** Cháy, cháy cả ruột gan đây rồi!...* (Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*)

Sự phân biệt nghĩa tình thái thông qua sáu nét ngữ điệu trong nghiên cứu của tác giả Đỗ Tiến Thắng càng được thể hiện rõ hơn trong câu đặc biệt tối giản được cấu thành bởi thán từ gọi đáp như: vâng, không, rồi, ừ, à… Chẳng hạn:

(59) *Ngoài ba mươi tuổi… ai lại còn đi lấy chồng! Ai đời lại còn đi lấy chồng! **Ừ!** Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ…* (Nam Cao, *Chí Phèo*)

(60) *A: Anh có đi dọn nhà ngay không ?*

*B: **Ư – ư – ừ !*** (kéo dài)

Sự khác nhau về trường độ của hai phát ngôn trong hai ngữ cảnh nói trên tạo nên sự khu biệt về tình thái. Nếu như trường độ ngắn ở phát ngôn (59) thể hiện sự xác tín điều mình nói là hiển nhiên đúng thì trường độ kéo dài ở phát ngôn (60) thể hiện thái độ chần chừ, miễn cưỡng chấp nhận của B trước lời đề nghị của A.

Như vậy, các phát ngôn câu đặc biệt thán từ có cùng phương tiện từ vựng và cấu trúc thức khi được phát âm với những nét ngữ điệu khác nhau sẽ biểu thị nghĩa tình thái khác nhau.

4.3.2. Các phương tiện từ vựng

Theo các nhà ngữ pháp học thì thán từ được xếp vào loại hư từ, không có ý nghĩa từ vựng, thêm vào đó khi tồn tại ở dạng thức câu đặc biệt, thán từ không thể kết hợp với bất cứ từ nào khác. Vậy nên, xét về phương tiện từ vựng, bản thân thán từ là dấu hiệu biểu thị tình thái của câu đặc biệt thán từ. Theo tác giả Nguyễn Văn Hiệp, thán từ thuộc nhóm 6 trong các nhóm phương tiện biểu thị tình thái tiếng Việt.

Sự khác nhau về nghĩa tình thái của câu đặc biệt thán từ xuất phát từ nghĩa biểu thị của chính thán từ cấu tạo nên nó. Xét các trường hợp sau:

Thán từ *ơ hơ* thể hiện thái độ coi thường, cười nhạo trước nội dung mệnh đề được đề cập trước đó:

(61) *Cấp phép ba tầng rưỡi, nay… mọc thêm năm tầng rưỡi sau 16 lần sai phạm bị xử lí.*

Ơ hơ! *Thế là cứ chém lại mọc thêm. Bác ơi! Chắc là nhà… chằn tinh. Này, sao họ không thừa thắng xốc tới nhỉ? (Báo Sài Gòn giải phóng, ngày 13-4-2007*, tr.130, theo sách giáo khoa 11)

Thán từ *húy* trong phát ngôn sau biểu thị một nét nghĩa tình thái khác:

(62) *Cha nói vậy thì con xin nghe lời cha. Thôi, cha về nhà với con.*

- ***Húy!*** *Về sao được?*

(Hồ Biểu Chánh, *Cha con nghĩa nặng*)

Húy trong phát ngôn trên là tiếng thốt ra thành câu giúp người nói gợi sự chú ý và để tỏ ý ngăn cản, không bằng lòng với nội dung mệnh đề được nhắc đến trước đó.

Như vậy có thể thấy, nội dung biểu thị tình thái của câu đặc biệt thán từ phụ thuộc vào cách lựa chọn và sử dụng thán từ trong từng ngôn cảnh cụ thể.

4.3.3. Các phương tiện ngữ pháp

Câu đặc biệt thán từ là kết quả của việc sử dụng thán từ kết hợp với cấu trúc thức cảm thán. Xem xét một số ngữ liệu sau:

(63) *Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả.* ***Chà chà!*** (Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*)

(64) ***…Chao ôi !*** *Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi!*

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*)

(65) ***Ái chà chà !*** (Lỗ Tấn, *Thuốc*)

Câu đặc biệt thán từ là kết quả của việc ngữ pháp hóa thán từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Tuy nhiên, quá trình ngữ pháp hóa ở câu đặc biệt thán từ khác thường bởi thán từ chỉ kết hợp với cấu trúc thức cảm thán. Cấu trúc thức cảm thán được nhận diện thông qua các thán từ và ngữ điệu cảm thán, trên văn bản đánh dấu chấm than (!).

Thán từ vốn là loại từ được dùng riêng biệt, không có quan hệ cú pháp với những từ khác. Thán từ kết hợp với cấu trúc thức cảm thán tạo nên câu cảm thán. Trong các kiểu câu phân loại theo mục đích nói thì kiểu câu cảm thán có chức năng diễn đạt trạng thái nhất định của cảm xúc, tâm trạng khác thường, hoặc thái độ, cách đánh giá ở mức độ cao của người nói đối với vật, việc, hiện tượng cụ thể. Việc sử dụng cấu trúc thức cảm thán để hoàn thiện tư cách câu của thán từ giúp câu đặc biệt thán từ được bổ sung những giá trị biểu đạt, nâng cao khả năng biểu thị tình thái vốn có trong nội hàm của thán từ.

5. Bàn luận

Tổng quan kết quả nghiên cứu về các phương tiện biểu thị tình thái trong câu đặc biệt tiếng Việt cho thấy: mặc dù có cấu trúc tối giản, song, các phương tiện biểu thị tình thái vẫn xuất hiện trong câu đặc biệt và đóng góp vai trò trong việc kiến tạo nghĩa tình thái của câu nói riêng và nghĩa của câu nói chung. Nhóm phương tiện từ vựng khá đa dạng và dễ nhận diện trong đó, mỗi loại phương tiện tồn tại mang tính đặc thù trong từng tiểu loại câu cụ thể. Thiết nghĩ, điều này cũng góp phần thể hiện đặc trưng loại hình của tiếng Việt trên nhiều phương diện.

Về tầm tác động của các phương tiện biểu thị tình thái, bước đầu chúng tôi nhận thấy: Câu đặc biệt chủ yếu biểu thị tình thái của hành động nói và tình thái chủ quan. Điều quan trọng là, câu đặc biệt thường ngắn, có cấu trúc tối giản và không phân định được cấu trúc theo các quan điểm cú pháp khuôn mẫu, nhưng vẫn tồn tại các phương tiện biểu thị tình thái, điều đó chứng thực vai trò quan trọng không thể không tồn tại của bộ phận này trong bình diện nghĩa của câu. Trong các nhóm phương tiện từ vựng biểu thị tình thái thì các tiểu từ tình thái cuối câu, các trợ từ và các thán từ có là dấu hiệu nhận diện nghĩa tình thái rõ nét nhất trong ba loại câu đặc biệt, chúng tôi cho rằng cần tiếp tục khảo tả về khía cạnh này.

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chưa có điều kiện đi sâu phân tích các bình diện nghĩa tình thái mà tập trung khảo sát, liệt kê các nhóm phương tiện xuất hiện trong câu đặc biệt tiếng Việt nên kì vọng có thể tiếp tục phân tích sâu hơn tầm tác động của các phương tiện nói trên ở một công bố khác.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Sách giáo khoa Ngữ văn 7,10,11,12*. Giáo dục.

Bùi Ngọc Tấn. (2009). *Biển và chim bói cá*. Hội Nhà văn.

Bùi Trọng Ngoãn. (2004). *Khảo sát động từ tình thái trong tiếng Việt*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cao Xuân Hạo. (2004). *Tiếng Việt sơ thảo Ngữ pháp chức năng*. Giáo dục.

Cao Xuân Hạo (Chủ biên). (2003). *Câu trong tiếng Việt: Quyển 1*. Giáo dục.

Diệp Quang Ban. (2008). *Ngữ pháp tiếng Việt: Tập 2*. Giáo dục.

Diệp Quang Ban. (2010). *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*. Giáo dục.

Đỗ Thị Kim Liên. (2002). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Giáo dục.

Đỗ Tiến Thắng. (2009). *Ngữ điệu tiếng Việt-Sơ khảo*. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Frank R Palmer. (2001). *Mood and Modality*. Cambridge University Press.

Haruki Murakami. (2014). *Rừng Nauy*. Hội Nhà văn.

Hồ Phương. (2007). *Cha và con*. Kim Đồng.

Ma Văn Kháng. (2008). *Mùa lá rụng trong vườn*. Trẻ.

Mak Halliday. (2001). *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (Hoàng Văn Vân dịch). Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nam Cao. (2011). *Tác phẩm chọn lọc*. Giáo dục.

Ngô Tất Tố. (1977). *Tắt đèn*. Giáo dục.

Nguyễn Minh Sơn. (2009). *Lãnh địa mèo rừng*. Hội Nhà văn.

Nguyễn Thị Lương. (2009). *Câu tiếng Việt*. Đại học Sư phạm.

Nguyễn Thị Thu Huệ. (2006). *37 truyện ngắn*. Văn học.

Nguyễn Văn Hiệp. (2001). "Về một khía cạnh phân tích tầm tác động tình thái". *Ngôn ngữ*, *11*, 42-50.

Nguyễn Văn Hiệp. (2008). *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. Giáo dục.

Nguyễn Văn Hiệp. (2009). *Cú pháp tiếng Việt*. Giáo dục.

Nhiều Tác Giả. (2009). *Truyện ngắn hay các tác giả nữ*. Văn học.

Phan Trọng Thưởng & Nguyễn Cừ. (1999). *Văn chương Tự lực văn đoàn: Tập 3*. Giáo dục.

MODALITY MARKERS IN VIETNAMESE SENTENCE FRAGMENTS

Trinh Quynh Dong Nghi

The University of Danang - University of Science and Education, Vietnam

Author corresponding: Trinh Quynh Dong Nghi - Email: tqdnghi@ued.udn.vn

Article History: Received on 15th May 2025, Revised on 14th June 2025, Published on 17th June 2025

Abstract: A fragment is a sentence with a structural abnormality. Therefore, although it has been mentioned in the works on Vietnamese grammar early, it has not been analyzed and explained convincingly. This paper aims to study **sentence** fragments from the perspective of modality theory, using the findings of modern linguistics to clarify the syntactic problems that the previous works have not addressed yet. The article identifies the modality markers in Vietnamese sentence fragments, which is the basis for explaining the status and the effect of rhetorical expression in the text of the said sentences.

The research results give a well-founded account of the modal meanings of the Vietnamese fragments, thus opening up directions for applied research on this type of sentence.

Key words: modality elements; modality; modal meaning; fragment